

Số: 26/2021/QĐST-HNGĐ

TT, ngày 13 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Khu 6 xã Tu Vũ, huyện TT, tỉnh P.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Văn V**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu 6 xã Tu Vũ, huyện TT, tỉnh P

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn V

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Chị H anh V xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Kim Yên, sinh ngày 06/5/2013 và cháu Trần Kim Oanh, sinh ngày 06/8/2015. Chị H anh V thoả thuận:

Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Kim Yên kể từ ngày 13/4/2021 cho đến khi cháu Yên thành niên. Anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Kim Oanh kể từ ngày 13/4/2021 cho đến khi cháu Oanh thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị H anh V không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thu H nhận nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000690 ngày 22/12/2020 tại chi cục thi hành án Dân sự huyện TT, tỉnh P. Hoàn trả lại cho chị H số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện TT;
- THA Dân sự huyện TT
- UBND xã L, huyện S (Nơi đăng ký KH)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lương Viết Tú**